



Số: 1034 /KNH

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Phong Thu- Hộ gia đình
Nơi gửi mẫu: Nguyễn Khoa Hải, 86 Phò Trạch, phường Phong Điền
Địa chỉ: Công ty cổ phần cấp nước Huế
Nơi sản xuất: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
Địa chỉ: Nhà máy nước Phong Thu
Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít
Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026
Mô tả mẫu: Tổ dân phố Huỳnh Liên, Phường Phong Điền, Thành phố Huế.
Mã số mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa/van kín.
Thời gian lưu mẫu: 26DV1002
Kết quả kiểm nghiệm: Không lưu mẫu

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,012
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (j): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế



Số: 1033 /KNH

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Phong Thu- Hộ gia đình Nguyễn Viết Lý Quỳnh, Tổ dân phố Vĩnh Nguyên, phường Phong Điền

Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Huế

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

Nơi sản xuất: Nhà máy nước Phong Thu

Địa chỉ: Tổ dân phố Huỳnh Liên, Phường Phong Điền, Thành phố Huế.

Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít

Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa vẩn kín.

Mã số mẫu: 26DV1001

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,012
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế

Số: 1032 /KNH



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Phong Thu- Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2, Tổ dân phố Thượng An 2, phường Phong Thái, thành phố Huế

Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Huế

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

Nơi sản xuất: Nhà máy nước Phong Thu

Địa chỉ: Tổ dân phố Huỳnh Liên, Phường Phong Điền, Thành phố Huế.

Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít

Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa vận kín.

Mã số mẫu: 26DV1000

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,013
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế

Số: 1031 /KNH



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch bể chứa nhà máy nước Phong Thu, Thành phố Huế
Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Huế
Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
Nơi sản xuất: Nhà máy nước Phong Thu
Địa chỉ: Tổ dân phố Huỳnh Liên, Phường Phong Điền, Thành phố Huế.
Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít
Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa vận kín.
Mã số mẫu: 26DV999
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu
Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,012
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Thanh Xuân